

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HUYỀN THÁI LỘC\*

Ngày nhận bài: 19/09/2016; ngày sửa chữa: 26/09/2016; ngày duyệt đăng: 26/09/2016.

**Abstract:** Developing professional competences for teachers and education managers is one of key tasks of fundamental and comprehensive education reform. The article proposes some measures to develop necessary professional competencies for Primary school teachers in Mekong River Delta with aim to improve education quality and meet the requirements of society for education.

**Keywords:** Capability, primary teachers, Mekong River Delta, fundamental and comprehensive education reform.

Đồng bằng sông Cửu Long là một vùng đất phì nhiêu, trù phú với rất nhiều ưu điểm: lớn nhất cả nước; khí hậu ôn hòa; vừa lúa, vừa trái cây lớn nhất cả nước,... Tuy nhiên, về giáo dục lại được đánh giá là “một vùng trũng”. Điều này được chứng minh qua số liệu thực tế, đã tạo ra rất nhiều thách thức cho Vùng, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi mục tiêu đổi mới GD-ĐT là hướng đến việc hình thành và phát triển năng lực (NL) toàn diện cho người học.

Dưới đây, bài viết đưa ra một số biện pháp phát triển NL nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học (GVTH) vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

## 1. Đổi mới nhận thức

Trải qua một giai đoạn lịch sử từ trước đến nay, giáo dục luôn đổi mới không ngừng. Mọi sự đổi mới đều mang lại những cơ hội và thách thức. Điều này đã tác động đến nhận thức của người làm công tác giáo dục. Do đó, nhận thức đóng vai trò rất quan trọng, nhất là trước một vấn đề mang tính đột phá.

Thay đổi nhận thức ở đây không chỉ hướng đến đối tượng là đội ngũ giáo viên (GV) mà phải thay đổi nhận thức của tất cả các đối tượng bị ảnh hưởng, đó là các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các nhà quản lý giáo dục từ Bộ, Sở, Phòng đến nhà trường, đổi mới nhận thức của các bậc phụ huynh và của chính học sinh (HS). Các bậc phụ huynh cần nhận thức được vị trí, vai trò của mình trong việc giáo dục con em mình.

Thay đổi cách làm đã khó nhưng thay đổi tư duy nhận thức càng khó hơn. Vì vậy, người làm công tác

giáo dục cần chỉ ra ưu điểm, những giá trị mà sự đổi mới mang lại, đồng thời dự trù trước khó khăn và cách xử lý vấn đề thực tiễn.

## 2. Phát triển NL tiếp cận đối tượng

Người làm công tác giáo dục cần hiểu rõ đối tượng giáo dục, nắm được mức độ nhận thức, khả năng đặc biệt, tư chất, tính cách,... của HS, từ đó có cách tác động phù hợp đến quá trình nhận thức và phát triển nhân cách của trẻ.

Để tiếp cận đối tượng, các nhà giáo dục có thể sử dụng các biện pháp sau:

**2.1. Quan sát.** Theo GS.TS. Gardner, quan sát là biện pháp phát huy tác dụng cao nhất trong việc xác định đối tượng HS. GV có thể quan sát HS trong suốt quá trình học tập trên lớp hay trong những hoạt động ngoại khóa, nhất là việc quan sát các biểu hiện của HS trong giờ ra chơi hoặc trong các hoạt động cá nhân sẽ rất hiệu quả.

**2.2. Xem lí lịch HS.** Như chúng ta đã biết, NL bị ảnh hưởng bởi yếu tố di truyền. Vì vậy, việc tìm hiểu những dạng NL của ông, bà, cha, mẹ và người trong dòng họ của HS sẽ cung cấp cho nhà giáo dục một cơ sở sinh học trong việc xác định NL của các em. Tuy nhiên, không phải bất kì một “gen” trội nào cũng được di truyền mà là do cá thể phấn đấu, rèn luyện mà tạo thành; vì vậy đây chỉ là một trong các khía cạnh cần xem xét thêm để hiểu rõ đối tượng.

\* Trưởng Cao đẳng Bến Tre

**2.3. Tìm hiểu hồ sơ, số điểm, học bạ.** Đây là những dữ liệu rất quan trọng trong việc xác định NL, bởi nó thể hiện tương đối chính xác quá trình phấn đấu và học tập của HS. Những kết quả đó được các nhà sư phạm lưu lại một cách có hệ thống trong một khoảng thời gian dài. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu các sản phẩm này thường cho thấy: một HS giỏi thường đạt điểm số cao ở hầu hết các môn còn lại (vấn đề này sẽ bàn sâu trong phần kiểm tra - đánh giá).

**2.4. Trao đổi với bạn bè, phụ huynh và chính HS.** GVTH là người tiếp xúc với HS với thời lượng nhiều nhất trong ngày nên họ nắm vững NL, khả năng của từng em. Vì vậy, việc trao đổi giữa GV và gia đình HS sẽ cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho HS.

**2.5. Test, ứng dụng các phương tiện.** Đây là một biện pháp mà nhiều nhà nghiên cứu thường hay sử dụng, thông qua hệ thống các câu hỏi được thiết kế có chủ đích, trong một khoảng thời gian ngắn, người nghiên cứu sẽ thu thập được các ý kiến khác nhau.

Việc sử dụng các phương tiện nhất là công nghệ thông tin, với các trang web, phần mềm chuyên dụng sẽ đưa ra các kết quả rất hữu ích. Ví dụ như người ta có thể xác định NL bằng phần mềm đo dấu vân tay,...

### **3. Phát triển NL chọn và điều chỉnh tài liệu học**

Hiện nay có rất nhiều tài liệu, sách tham khảo, đòi hỏi GVTH cần biết lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp trên cơ sở đã hiểu về đối tượng tác động.

Trước hết, để xác định chọn tài liệu nào, đòi hỏi các nhà giáo dục cần hiểu được nội dung cuốn sách đó là gì, có phù hợp với đối tượng HS không? GV cần dành thời gian đọc trước tài liệu, chọn nội dung cần thiết, chi tiết hóa nội dung phức tạp, điều chỉnh theo hướng nâng cao hoặc giảm nhẹ lượng kiến thức phù hợp với trình độ của HS.

### **4. Phát triển nhóm NL tổ chức hoạt động dạy học**

#### **4.1. Phát triển NL tổ chức và quản lý nhóm.**

Quá trình dạy học hiện nay là chuyển từ việc “truyền thụ kiến thức” của GV thành quá trình tự học có hướng dẫn của HS. Quá trình tự học này có thể diễn ra dưới hình thức cá nhân, nhóm hoặc cả lớp. Tuy nhiên, hình thức dạy học được đánh giá cao và được GV sử dụng thường xuyên là hình thức hợp tác nhóm.

Đối tượng HS trong một lớp học khác nhau về nhiều mặt: trình độ, NL, phẩm chất, hoàn cảnh sống,...

Do đó, GV cần tổ chức phân loại HS vào các nhóm một cách phù hợp. Ban đầu, GV có thể sắp xếp những HS có học lực trên chuẩn vào một nhóm, các em có học lực đạt chuẩn hoặc dưới chuẩn vào một nhóm. Trong quá trình dạy học, GV cần tập trung, theo dõi sát các nhóm có học lực đạt hoặc dưới chuẩn và có thể điều phối một số HS có học lực tốt đến hỗ trợ cho bạn. Sau một thời gian, khi những HS này có sự tiến bộ và theo kịp các bạn khác, GV có thể chuyển các em vào nhóm trên chuẩn.

Về vấn đề quản lý nhóm hay bao quát lớp của GV lệ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Do đó, trong quá trình dạy học, GV cần giao nhiệm vụ thật cụ thể, phù hợp với khả năng của từng HS, quy định thời gian cho các em hoàn thành nhiệm vụ và có biện pháp “thưởng”, “phạt” hợp lý. Ngoài ra, GV cần quan tâm đến “góc đứng” của mình trong lớp để có thể quan sát được quá trình làm việc của các nhóm và có sự hỗ trợ kịp thời khi cần thiết.

**4.2. Phát triển NL dạy học phân hóa.** Trong các hình thức dạy học theo cá nhân, nhóm hoặc cả lớp, hình thức dạy học cá nhân là tiêu biểu. GV cần linh hoạt sử dụng các hình thức dạy học khác nhau, tùy thuộc vào nội dung kiến thức, khả năng nhận thức của HS và điều kiện cho phép (HS có thể tự học cá nhân, thảo luận cặp đôi, thảo luận nhóm,...).

Quá trình tổ chức dạy học phân hóa cần dựa trên cơ sở chuẩn kiến thức kĩ năng của từng khối, từng môn để thực hiện hiệu quả.

**4.3. Phát triển NL ứng xử sư phạm.** NL ứng xử sư phạm (hay còn gọi là NL xử lý tình huống sư phạm), thể hiện sự xử lý khéo léo, hiệu quả của người làm công tác giáo dục trước những vấn đề nảy sinh trong quá trình giáo dục.

Trong quá trình dạy học, GV nên khuyến khích HS mạnh dạn đặt câu hỏi, nêu vấn đề trước lớp để kích thích khả năng say mê học hỏi, rèn luyện kĩ năng giải quyết vấn đề cho các em.

Khi HS đặt vấn đề, GV không nên trả lời ngay, mà khai thác các yếu tố các em đã biết, từ đó có cách xử lý khoa học. Thực tế cho thấy, cùng một vấn đề có rất nhiều hướng giải quyết; tùy thuộc vào góc độ tiếp cận vấn đề, mỗi HS sẽ có cách giải quyết khác nhau. Do đó, GV nên khai thác hướng tiếp cận của HS, đồng thời gợi mở thêm các hướng tiếp cận khác.

**4.4. Phát triển NL khai thác các phương tiện dạy học.** Khi khoa học và công nghệ ngày càng phát triển, với sự hỗ trợ của các phương tiện điện tử đã giúp cho quá trình dạy học được hiệu quả hơn, HS dễ dàng tiếp cận được những vấn đề của thế giới. Bên cạnh đó, GV cần rèn luyện cho mình NL khai thác và sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại.

Trong các trường tiểu học, các phương tiện dạy học thường là bảng viết, tranh ảnh minh họa trong sách giáo khoa, hoặc các vật thật, mô hình mô phỏng do GV tự thiết kế. Một số trường tiểu học đã được trang bị các phương tiện dạy học phong phú như: Góc học tập, Góc sản phẩm của em, Góc sinh nhật,...; có các hộp thư: Hộp thư bè bạn, Hộp thư điều em muốn nói..., thư viện lớp học, có bản đồ cộng đồng, có sổ ghi chép,... tất cả đã tạo nên một không gian lớp học đầy màu sắc và có tính giáo dục cao. Các phương tiện này do GV, phụ huynh và chính HS tự làm. Ngoài ra, mỗi lớp thường được trang bị một vô tuyến có kết nối internet, GV và HS có thể truy cập khi cần.

Ngoài việc rèn luyện NL sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại, GV cần chú ý đến việc chọn lọc thông tin, sử dụng như thế nào để có tác dụng giáo dục cao nhất.

#### **5. Phát triển NL kiểm tra, đánh giá**

Vấn đề đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá HS tiểu học hiện nay rất được chú trọng. So với việc kiểm tra, đánh giá chủ yếu về mặt khối lượng kiến thức như trước đây, hiện nay khâu kiểm tra, đánh giá lại mang tính toàn diện, ứng với mục tiêu đổi mới.

Đánh giá toàn diện thể hiện ở chỗ không chỉ đánh giá về mặt kiến thức mà còn chú trọng đánh giá NL và phẩm chất HS, không chỉ GV là người đánh giá mà có sự kết hợp đánh giá của các bậc phụ huynh và giữa HS với nhau.

Hiện nay, việc đánh giá HS tiểu học được thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 của Bộ GD-ĐT có hiệu lực ngày 15/10/2014. Tinh thần của Thông tư 30 đã thể hiện đúng quan điểm đánh giá NL người học. Việc đánh giá NL không thể hiện bằng điểm số, mà cần kết hợp giữa đánh giá bằng điểm số và bằng lời, nhưng chủ yếu là bằng lời. GV cần chỉ ra cho HS biết là các em có hoặc đang tiềm ẩn một NL gì? Cách phát triển NL đó ra sao?

Hoặc khi HS làm sai, GV cần chỉ cho em biết sai ở đâu, mức độ ra sao và cách khắc phục thế nào.

Tuy nhiên, để làm được điều này, đòi hỏi GV cần nghiên cứu kĩ các quy định của Bộ GD-ĐT về đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; biết chất lọc từ ngữ khi nhận xét bằng lời, thiết lập ma trận khi soạn thảo một đề thi, hiểu rõ quy trình trong việc đánh giá toàn diện HS,...

\*\*\*

Phát triển NL cho đội ngũ GV và cán bộ quản lí nói chung, của GVTH vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT là một vấn đề cấp thiết, cần được chú trọng và đầu tư đúng mức. Trên cơ sở nghiên cứu các cơ sở lí luận, điều kiện hình thành và phát triển NL cũng như chọn lọc những NL nào là cấp thiết, từ đó đề xuất các biện pháp phát triển NL đó cho GVTH.

Thực tế vận dụng các biện pháp trên vào quá trình tập huấn, bồi dưỡng cho GVTH ở một số tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long như: Cần Thơ, Bến Tre, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, An Giang, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Kiên Giang, Đồng Tháp và một số tỉnh, thành phố lân cận như: TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, chúng tôi nhận thấy tính khả thi và hiệu quả cao của các giải pháp trên. Từ đó, cho thấy các biện pháp này có thể vận dụng rộng rãi vào quá trình bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ GV và cán bộ quản lí ở các tỉnh và khu vực khác. Đặc biệt, có thể nghiên cứu áp dụng, lồng ghép vào quá trình đào tạo GVTH ở các trường sư phạm. □

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Howard Gardner (1997). *Cơ cấu trí khôn* (Phạm Toàn dịch). NXB Giáo dục.
- [2] Thomas Armstrong (2011). *Đa trí tuệ trong lớp học* (Lê Quang Long dịch). NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Lê Thị Bình (chủ biên) (2007). *Các thuộc tính điển hình của nhân cách*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Huỳnh Thái Lộc (2015). *Phát triển năng lực tổ chức dạy học môn Toán ở tiểu học theo mô hình trường học mới (VNEN)*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế, Học viện Quản lí Giáo dục, tr 174-176.
- [5] Huỳnh Thái Lộc (2015). *Đổi mới công tác đào tạo giáo viên tiểu học theo mô hình trường học mới (VNEN)*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, tr 244-254.